

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29 /2016/NQ-HĐND

An Giang, ngày 03 tháng 8 năm 2016

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giới: <u>S</u>
	Ngày: <u>9/8</u>

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp nghề nghiệp từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 tại các cơ sở giáo dục công lập do địa phương quản lý

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020 - 2021;

Xét Tờ trình số 350 /TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp nghề nghiệp từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 tại các cơ sở giáo dục công lập do địa phương quản lý; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp nghề nghiệp từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư do địa phương quản lý, như sau:

1. Mức thu học phí:

ĐVT: đồng/sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh/tháng

STT	Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
I	Hệ trung cấp					
1	Khoa học xã hội, kinh tế luật; nông, lâm, thủy sản.	420.000	470.000	510.000	560.000	620.000
2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch.	500.000	550.000	600.000	670.000	740.000
3	Y dược	610.000	680.000	750.000	820.000	900.000
II	Hệ cao đẳng					
1	Khoa học xã hội, kinh tế luật; nông, lâm, thủy sản.	480.000	530.000	580.000	640.000	700.000
2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch.	570.000	630.000	690.000	770.000	850.000
3	Y dược	700.000	780.000	850.000	940.000	1.030.000
III	Hệ đại học					
1	Khoa học xã hội, kinh tế luật; nông, lâm, thủy sản.	670.000	740.000	810.000	890.000	980.000
2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch.	790.000	870.000	960.000	1.060.000	1.170.000
3	Y dược	970.000	1.070.000	1.180.000	1.300.000	1.430.000
IV	Đào tạo Thạc sĩ	Bằng 1,5 mức thu học phí của hệ Đại học tương ứng với từng ngành				
V	Đào tạo Tiến sĩ	Bằng 2,5 mức thu học phí của hệ Đại học tương ứng với từng ngành				

2. Học phí đào tạo đại học và giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo phương thức giáo dục thường xuyên áp dụng mức thu không vượt quá 150% mức thu học phí so với hệ đào tạo chính quy tương ứng cùng trình độ đào tạo, nhóm ngành, chuyên ngành và nghề đào tạo theo chương trình đào tạo đại trà tại cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chưa thực hiện tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư.

3. Mức trần học phí đối với đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 được xác định bằng mức trần học phí của hệ Đại học tương ứng với từng ngành nhân (x) cho hệ số được quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Mức thu học phí học lại bằng với mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp nghề nghiệp từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 tại các cơ sở giáo dục công lập do địa phương quản lý được quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Các quy định về không thu học phí, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo Điều 6, 7, 8, 10, 11 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 và Điều 4, 5, 6, 9 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. Việc tổ chức thu, quản lý và sử dụng học phí thực hiện theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 03 tháng 8 năm 2016, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016 và thay thế Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐND ngày 04 tháng 3 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí đối với các trường do địa phương quản lý năm học 2011 - 2012. /s/

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ III - Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị, thành;
- Cơ quan Thường trú TTXVN, Báo Nhân dân tại AG;
- Truyền hình Quốc hội tại AG;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Website tỉnh An Giang;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu VT, Phòng Tổng hợp-R.

**CHỦ TỊCH**
[Signature]
Võ Anh Kiệt

